

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HN-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 737/2021/TLST-HN ngày 23 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6063/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 6620/2021/QĐST – HNGĐ ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 86H, đường T, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Phương N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 86H, đường T, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và Ông Phạm Phương N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, ngày 31/12/2018 của UBND phường P, Quận C (nay là thành phố T), Thành phố H. Bà và ông N có 01 con chung tên Phạm Minh N (nữ) sinh ngày 25/3/2020. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, bà yêu cầu được giải quyết ly hôn. Tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết. Con chung hiện nay đang do Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 (*ba triệu*) đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Ngoài ra, Bà T cũng có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn - Ông Phạm Phương N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa theo giấy triệu tập do đó không có lời khai tại tòa. Tại phiên tòa ông N cũng vắng mặt nên không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ông Phạm Phương N nên xác định là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt Bà T.

Ông Phạm Phương N là bị đơn đã được Tòa án xác minh nơi cư trú, theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường P, thành phố T cho biết hiện nay ông N có cư trú tại địa chỉ số 86H, đường T, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành tổng đạt cho Ông Phạm Phương N cụ thể như sau:

- Ngày 18/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành niêm yết công khai cho ông N văn bản Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ ngày 08/6/2021 để làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Bà T nhưng ông N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 01/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành niêm yết công khai cho ông N văn bản Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải lần thứ nhất và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ ngày 19/11/2021 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải nhưng phía ông N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 19/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành niêm yết công khai cho ông N văn bản Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải lần thứ 2 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 09 giờ ngày 08/12/2021 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai và hòa giải nhưng phía ông N vắng mặt không có lý do.

- Ngày 10/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành niêm yết công khai cho ông N các văn bản Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6063/2021/QĐXX ngày 09/12/2021 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 08 giờ 30 phút ngày 27/12/2021 để tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do.

Ngày 27/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố T tiếp tục tiến hành niêm yết công khai cho ông N các văn bản Quyết định hoãn phiên tòa số 6620/2021/QĐXX ngày 27/12/2021 và Giấy triệu tập đương sự có mặt lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/01/2022 để tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không có lý do.

Như vậy, Ông Phạm Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu T và Ông Phạm Phương N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, ngày 31/12/2018 của UBND phường P, Quận C (nay là thành phố T), Thành phố H nên xác định hôn nhân của Bà T và ông N là hợp pháp. Bà T trình bày, trong thời gian chung sống với ông N do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Mặc dù lời khai này của Bà T không được đối chất với ông N nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đơn ly hôn của Bà T đến nay đã gần 07 tháng nhưng ông N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, cũng không có bất cứ ý kiến nào gửi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của Bà T. Điều này vừa chứng tỏ ông N không tôn trọng quy định của pháp luật, không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án, vừa thể hiện ý thức không quan tâm, coi trọng hôn nhân của chính bản thân ông. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi Bà T và ông N chung sống, theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T cho biết trong quá trình chung sống tại địa chỉ số 86H, đường T, phường P, thành phố T, Bà T và ông N có xảy ra mâu thuẫn hay không thì Ủy ban không ghi nhận và không rõ có mâu thuẫn hay không. Do ông N vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét ý kiến phía Bà T đưa ra. Từ những nhận định trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân của Bà T và ông N đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, Bà T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được do đó yêu cầu ly hôn của Bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Ghi nhận Bà T và ông N có 01 (một) con chung tên Phạm Minh N (nữ) sinh ngày 25/3/2020. Trẻ Phạm Minh N dưới 36 tháng tuổi nên Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ để chấp nhận. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Ông N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông N không phải chịu án phí.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với Ông Phạm Phương N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 260, ngày 31/12/2018 của UBND phường P, Quận C (nay là thành phố T), Thành phố H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh N (nữ), sinh ngày 25/3/2020 cho Bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Phạm Phương N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con, người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0028613 ngày 23 tháng 4 năm 2021 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố T lập. Bà T đã nộp đủ án phí, Ông Phạm Phương N không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. T;
- THA Tp. Thủ Đức, Tp.H;
- UBND phường P, Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Dung

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSNDQ2, Tp.HCM;
- THAQ2, Tp.HCM;
- UBND P.Tân Thuận Tây, Quận 7 ;

- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Hải Yến